

THỰC TRẠNG NGHỀ CỦA NGƯỜI NÔNG DÂN VÙNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ HÓA

TS. Lã Thị Thu Thủy

Phó Viện trưởng Viện Tâm lý học.

TÓM TẮT

Kết quả khảo sát 1974 hộ nông dân tại 6 tỉnh/thành phố: Hà Nội, Thái Nguyên, Quảng Ngãi, Đà Nẵng, Cần Thơ, Bình Dương cho thấy, quá trình thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị đã làm cho cơ cấu ngành nghề của người nông dân có sự thay đổi đáng kể. Từ những công việc nhà nông thuần túy, những người nông dân đã chuyển đổi sang nhiều nghề khác nhau. Những hộ nông dân có diện tích đất bị thu hồi lớn đã chuyển đổi sang các công việc phi nông nghiệp truyền thống như: đi làm thuê, cắt tóc, gội đầu, sửa chữa xe máy, buôn bán nhỏ, thủ công mỹ nghệ, chủ thầu xây dựng... Đánh giá về mức độ hài lòng với công việc, cuộc sống và mức sống, kết quả nghiên cứu cho thấy, phần đông số nông dân trong nghiên cứu này hài lòng phần nào với cuộc sống, công việc, mức sống của bản thân và gia đình. Những người hài lòng ở mức độ cao với công việc, cuộc sống và mức sống chiếm tỷ lệ thấp hơn.

Từ khóa: *Thực trạng nghề; Công việc; Nông dân; Khu công nghiệp; Đô thị hóa.*

Ngày nhận bài: 3/5/2013; Ngày duyệt đăng bài: 25/5/2013.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây quá trình đô thị hoá nước ta diễn ra với tốc độ nhanh. Đô thị hoá diễn ra không chỉ ở khu vực đô thị mà cả ở khu vực ven đô, khu vực nông thôn. Phạm vi đô thị được mở rộng. Nếu ở giai đoạn 1975 - 1990, do kinh tế phát triển chưa cao, nên đô thị ở nước ta hầu như không biến động. Sau năm 1990, khi chuyển mạnh sang kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế, đô thị nước ta có những biến động mạnh mẽ, tốc độ đô thị hoá nhanh, số lượng đô thị tăng mạnh. Năm 1990, nước ta chỉ có khoảng 500 đô thị lớn nhỏ, năm 2000 có 649 đô thị, năm 2003 có 669 đô thị, trong đó có 4 thành phố

loại I, 10 đô thị loại II, 13 đô thị loại III, 59 đô thị loại IV, 570 đô thị loại V. Cả nước có 4 thành phố trực thuộc trung ương, 83 thành phố thị xã trực thuộc tỉnh, còn lại là các thị trấn. Hiện nay, cả nước có hơn 800 đô thị lớn nhỏ, tăng hơn 40% so với năm 1990. Bên cạnh những đô thị có bề dày lịch sử tiếp tục được mở mang, nâng cấp, đáng chú ý là sự xuất hiện ngày càng nhiều các khu đô thị mới tập trung, trong đó hệ thống các thị trấn, thị tứ ngày càng mở rộng, tạo thành những nét mới ở nông thôn. Đô thị hoá diễn ra mạnh nhất ở 3 vùng trọng điểm phát triển kinh tế xã hội Bắc, Trung, Nam. Chính phủ đã phê duyệt 14 khu vực trọng điểm phát triển du lịch trong toàn quốc.

Đô thị hoá dẫn tới sự gia tăng dân số đô thị và di dân từ nông thôn ra thành thị. Dân cư đô thị tăng từ 11,87 triệu người năm 1986 lên 18 triệu người năm 1999, 20 triệu người năm 2002, hiện dân số đô thị Việt Nam khoảng 33,2 triệu người và dự tính của Viện Konrad Adenaur tại Việt Nam đến 2020 sẽ 70,84 triệu người. Một vấn đề đáng quan tâm là sự di dân từ các vùng nông thôn ra các đô thị để tìm kiếm việc làm, cải thiện mức sống.

Cùng với quá trình đô thị hoá là việc phát triển nhanh chóng các khu công nghiệp ở các vùng ven đô và cả khu vực nông thôn ở hầu hết các tỉnh thành trong cả nước. Tính đến nay, chúng ta đã có khoảng 228 khu công nghiệp và khu chế xuất được Chính phủ thành lập.

Quá trình đô thị hoá và phát triển các khu công nghiệp đã làm cho đất sản xuất của người nông dân ngày càng bị thu hẹp. Nói cách khác, đất sản xuất được chuyển đổi từ mục đích sản xuất nông nghiệp sang sản xuất công nghiệp, dịch vụ, nhà ở... Điều này làm cho một bộ phận lớn nông dân vốn cả đời gắn bó với nghề nông truyền thống nay gặp nhiều khó khăn. Họ lúng túng và khó khăn trong chuyển đổi từ nghề nông sang một nghề mới và thích ứng với các nghề mới.

Bài viết này nhằm đề cập đến bức tranh chung về thực trạng nghề hiện có của người nông dân vùng phát triển khu công nghiệp và đô thị hóa. Nghiên cứu được tiến hành trên 1.974 hộ nông dân thuộc 6 tỉnh/thành phố trên phạm vi cả nước: Hà Nội, Thái Nguyên, Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Cần Thơ và Bình Dương.

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là điều tra bằng bảng hỏi và phỏng vấn sâu. Mẫu nghiên cứu được lựa chọn là những hộ nông dân có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi để xây dựng các khu công nghiệp hoặc khu đô thị tại các địa bàn nêu trên.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Thực trạng nghề của người nông dân vùng phát triển khu công nghiệp và đô thị hóa

Kết quả nghiên cứu cho thấy, trong tổng số 1.974 người được hỏi thì có khoảng 93,8% số người hiện tại đang có việc làm. Số người không có việc làm chiếm tỷ lệ khá ít (6,2%).

Bảng 1: Số lượng hộ nông dân hiện tại có/không có việc làm

Tình trạng việc làm		Tần xuất	Phần trăm
1	Có việc làm	1.852	93,8
2	Không làm gì/không có việc làm	122	6,2
Tổng		1.974	100,0

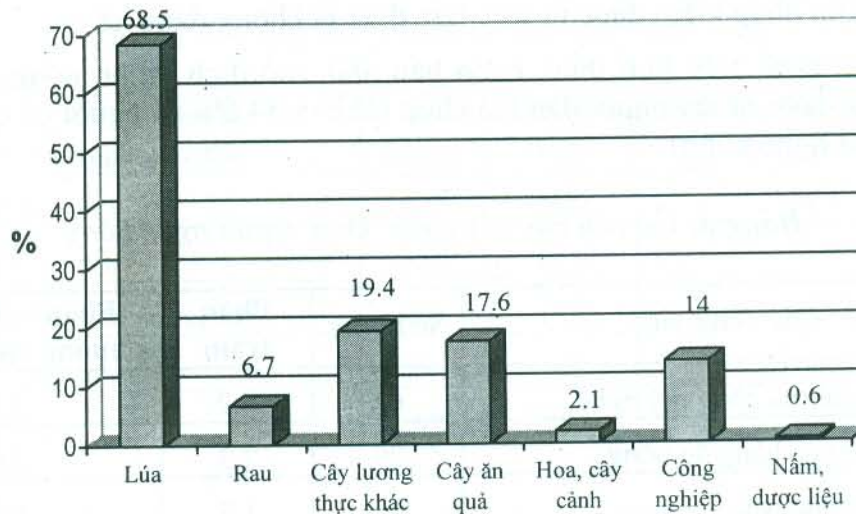
Xem xét phân đông những người có việc làm, chúng tôi nhận thấy, cơ cấu việc làm của người nông dân là khá đa dạng. Có thể nói, những nghề truyền thống của người nông dân là trồng trọt và chăn nuôi vẫn được giữ vững ở một bộ phận tương đối lớn hộ nông dân. Cụ thể là, có tới 66,9% số người dân vẫn tiếp tục các công việc trồng trọt; 45,8% số người vẫn tiếp tục các công việc chăn nuôi. Tuy nhiên bên cạnh đó cũng cần phải khẳng định, một số những công việc mới ngoài nghề nông truyền thống đã được nhiều hộ dân chuyển dịch (67,9%). Có thể kể đến một số nghề mới như: nghề thủ công mỹ nghệ, mở cửa hàng ăn uống, bán quà vật, các dịch vụ như cắt tóc, gội đầu, làm thuê, lượm ve chai.... Một bộ phận nhỏ nông dân đã mở các cửa hàng sản xuất, kinh doanh lớn hoặc trở thành chủ thầu xây dựng (4,2%). Có thể thấy rõ hơn về cơ cấu ngành nghề hiện tại của các hộ nông dân được khảo sát qua bảng số liệu sau đây:

Bảng 2: Công việc hiện tại của các hộ gia đình

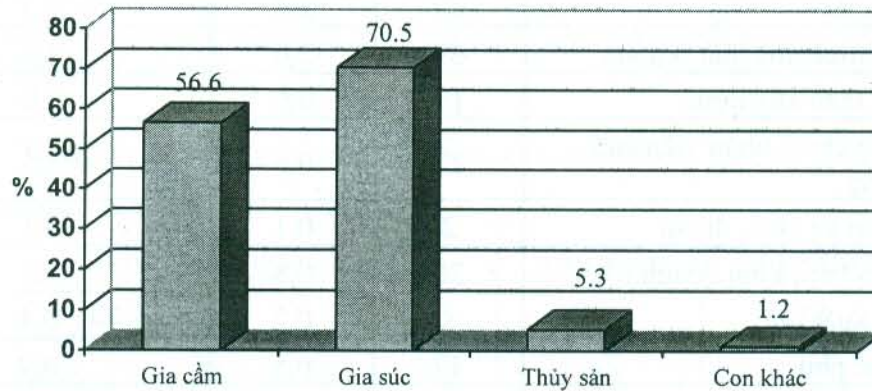
Công việc hiện đang làm		Số lượng	Phần trăm	Phần trăm theo phương án lựa chọn
1	Trồng trọt	1237	36,7	66,9
2	Chăn nuôi	847	25,1	45,8
3	Nghề thủ công mỹ nghệ	62	1,8	3,3
4	Mở cửa hàng ăn uống	29	0,9	1,6
5	Bán quà vật	15	0,4	0,8
6	Buôn bán nhỏ	289	8,6	15,6
7	Làm thuê ổn định	149	4,4	8,0
8	Làm thuê không ổn định	494	14,7	26,7

9	Dịch vụ	80	2,4	4,3
10	Cho thuê nhà, đất, xưởng	69	2,0	3,7
11	Chủ thầu xây dựng	19	0,6	1,0
12	Công chức, nhân viên văn phòng	27	0,8	1,5
13	Lượm ve chai, đi củi	2	0,1	0,1
14	Buôn bán, kinh doanh lớn	26	0,8	1,4
15	Sản xuất lớn	8	0,2	0,4
16	Nghề phụ	17	0,5	0,9
Tổng số		3.370	100,0	182,0

Xét về cơ cấu vật nuôi, cây trồng của các hộ nông dân trong vùng được khảo sát, kết quả nghiên cứu cho thấy, cơ cấu vật nuôi, cây trồng của người nông dân cũng có sự thay đổi đáng kể. Nếu như trước đây người nông dân chú trọng đến trồng các cây lương thực như: lúa, ngô, khoai, sắn... hoặc chăn nuôi gia súc, gia cầm thì hiện nay cơ cấu vật nuôi cây trồng của người nông dân vùng phát triển khu công nghiệp và đô thị hóa cũng có sự khác biệt đáng kể. Một số những mô hình cây trồng mới xuất hiện như: trồng cây cảnh, hoa, rau mầu, nấm, dược liệu... hoặc một số mô hình chăn nuôi như: nhím, dúi, dê... mang lại lợi ích kinh tế cho người nông dân cũng đã bước đầu xuất hiện ở một bộ phận nhỏ hộ nông dân được khảo sát. Có thể thấy rõ hơn về cơ cấu vật nuôi và cây trồng của các hộ nông dân theo biểu đồ dưới đây:



Biểu đồ 1: Cơ cấu cây trồng của các hộ nông dân



Biểu đồ 2: Cơ cấu vật nuôi của các hộ nông dân

Sau khi bị thu hồi hoặc thu hẹp đất nông nghiệp, khá nhiều hộ nông dân tìm đến những công việc mới ngoài nghề nông truyền thống. Xét về cơ cấu phân bố các công việc khác ngoài nghề nông truyền thống mà hiện tại các hộ gia đình đang làm, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy có những điểm khá lý thú.

Công việc đầu tiên mà người dân tìm đến là đi làm thuê. Số người làm công việc này chiếm tỷ lệ khá cao (56,6% số người được hỏi, trong đó 13,1% số người có công việc làm thuê tương đối ổn định và 43,5% số người có công việc làm thuê không ổn định). Các công việc làm thuê là khá đa dạng, có những người đi làm thuê xa nhà, có những người làm thuê tại địa phương. Tuy nhiên, phần đông những công việc làm thuê của nông dân là mang tính thời vụ, không ổn định. Thu nhập kiếm được từ việc làm thuê là không đáng kể.

Bên cạnh việc làm thuê, buôn bán nhỏ, mở dịch vụ ăn uống, bán quà vật... cũng được nhiều người dân lựa chọn (chiếm 34,6% số người có công việc khác ngoài nghề nông).

Bảng 3: Cơ cấu các công việc khác ngoài nghề nông

	Các công việc	Số lượng	Phần trăm	Phần trăm theo phương án lựa chọn
1	Nghề thủ công mỹ nghệ	62	4,9	5,5
2	Mở cửa hàng ăn uống	29	2,3	2,6
3	Bán quà vật	15	1,2	1,3
4	Buôn bán nhỏ	289	22,9	25,5
5	Dịch vụ	80	6,3	7,0

6	Làm thuê ổn định (cho công ty)	149	11,8	13,1
7	Làm thuê không ổn định	494	39,2	43,5
8	Lượm ve chai, đi củi	2	0,2	0,2
9	Cho thuê nhà, đất, xưởng	69	5,5	6,1
10	Chủ thầu xây dựng,	19	1,5	1,7
11	Buôn bán lớn/kinh doanh	26	2,1	2,3
12	Công chức, nhân viên	27	2,1	2,4
Tổng số		1.261	100,0	111,1

Ghi chú: Tỷ lệ % được tính trên tổng số người có lựa chọn các công việc khác ngoài công việc trồng trọt và chăn nuôi.

Một số hộ nông dân có ý thức vươn lên làm giàu đã trở thành các ông chủ, mở cửa hàng buôn bán kinh doanh lớn, làm chủ thầu xây dựng hoặc mở rộng sản xuất. Tuy nhiên, số lượng này không nhiều. Nếu tính trên tổng số những người có những công việc khác ngoài nghề nông truyền thống thì tỷ lệ những người có làm ăn, buôn bán lớn, mở rộng sản xuất chỉ chiếm 2,3%, số lượng người làm chủ thầu xây dựng chỉ chiếm 1,7%. Còn tính trên tổng số người nông dân hiện tại có việc làm thì con số này còn thấp hơn nhiều (1,8% số người có làm ăn buôn bán lớn, sản xuất kinh doanh lớn và 1,0% số người trở thành chủ thầu xây dựng).

Bảng 4: Công việc mang lại thu nhập cao nhất

	Công việc mang lại thu nhập cao nhất	Số lượng	Phần trăm	Phần trăm theo phương án lựa chọn
1	Trồng trọt	632	32,0	34,3
2	Chăn nuôi	355	18,0	19,3
3	Nghề khác ngoài nghề nông	853	43,2	46,4
4	Không trả lời	134	6,8	100,0
	Tổng	1.974	100,0	

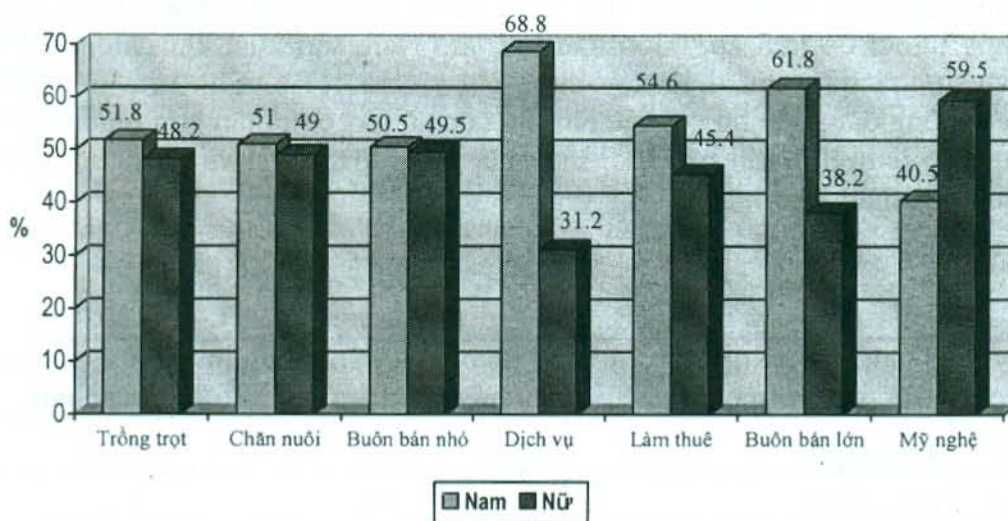
Mặc dù về cơ cấu việc làm là như vậy nhưng theo đánh giá của người nông dân, xét về mặt tổng thể những công việc đem lại thu nhập cao nhất là những công việc phi nông nghiệp truyền thống. So sánh trong mối tương quan

giữa thu nhập thông qua trồng trọt, chăn nuôi và các công việc phi nông nghiệp truyền thống thì có tới 46,1% số người trả lời cho rằng thu nhập cao nhất thuộc về những nghề khác ngoài nghề nông. Tiếp theo, 34,3% số người cho rằng trồng trọt mang lại thu nhập cao nhất và cuối cùng là chăn nuôi (19,3%).

Như vậy, có thể thấy người nông dân vùng phát triển khu công nghiệp và đô thị hóa đã có những công việc hết sức đa dạng. Phần đông trong số họ có mức độ hài lòng chưa cao với công việc, cuộc sống và mức sống. Nếu đánh giá mức độ hài lòng với công việc, cuộc sống và mức sống theo thang ba mức độ từ ít hài lòng đến rất hài lòng, kết quả nghiên cứu cho thấy, điểm trung bình của mức độ hài lòng với công việc, cuộc sống đều nằm ở khoảng dưới của điểm trung vị (điểm trung bình khoảng 1,85 điểm/3 điểm; điểm trung vị bằng 2 điểm). Có thể nói, phần đông nông dân trong nghiên cứu này hài lòng phần nào với cuộc sống, công việc, mức sống của bản thân và gia đình còn tỷ lệ những người rất hài lòng với công việc, cuộc sống, mức sống chiếm tỷ lệ thấp hơn.

2.2. Sự khác biệt giữa các nhóm nông dân vùng phát triển khu công nghiệp và đô thị hóa trong xu hướng lựa chọn công việc

Sự khác biệt giữa nam và nữ trong xu hướng lựa chọn công việc

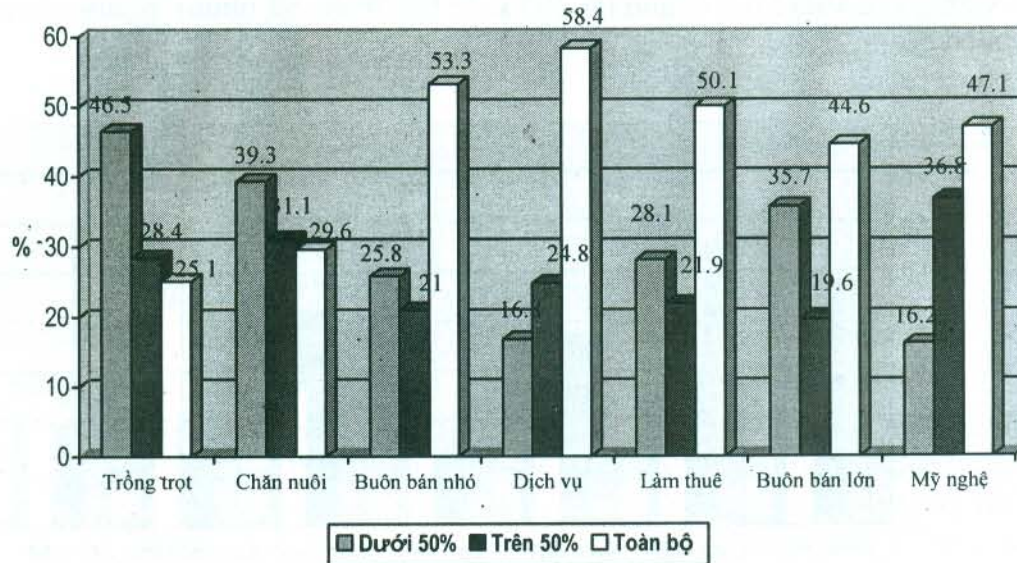


Biểu đồ 3: Sự khác biệt giữa nam và nữ trong xu hướng lựa chọn công việc

Trong mối tương quan giữa nam và nữ với việc lựa chọn công việc hiện tại, kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa những người nông dân là nam và nữ trong các công việc trồng trọt, chăn nuôi, buôn bán nhỏ. Tuy nhiên, việc lựa chọn công việc dịch vụ, làm thuê và làm ăn lớn, chủ thầu xây dựng được nam giới lựa chọn nhiều hơn. Số liệu tại biểu đồ trên cho thấy, trong số những người lựa chọn công việc dịch vụ thì có

tới 68,8% là nam giới (so với tỷ lệ nữ là 31,2%). Hoặc là trong số những người làm ăn buôn bán lớn, chủ thầu xây dựng, chủ xưởng sản xuất kinh doanh... thì có tới 61,8% là nam giới (so với tỷ lệ nữ giới có cùng lựa chọn này là 38,2%). Bên cạnh đó, nữ giới lựa chọn nghề thủ công mỹ nghệ cao hơn nam giới.

Sự khác biệt của nhóm hộ dân có diện tích đất bị thu hồi khác nhau trong xu hướng lựa chọn công việc



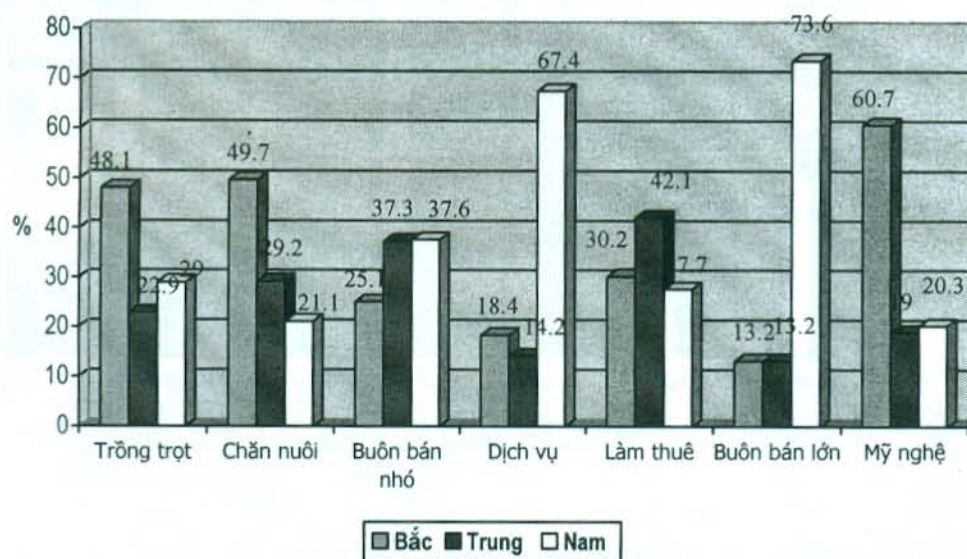
Biểu đồ 4: Sự khác biệt của nhóm hộ dân có diện tích đất bị thu hồi khác nhau trong xu hướng lựa chọn công việc

Diện tích đất bị thu hồi cũng có ảnh hưởng khá lớn đến xu hướng lựa chọn công việc của người nông dân. Buôn bán, mở các cửa hàng dịch vụ, làm thuê, mở xưởng sản xuất kinh doanh hoặc nghề thủ công mỹ nghệ được nhiều người nông dân mất toàn bộ đất nông nghiệp lựa chọn. Trong số những người đang làm các hoạt động dịch vụ như cắt tóc gội đầu, sửa xe..., làm thuê, buôn bán nhỏ có tới hơn 50% là người mất toàn bộ đất nông nghiệp. Kết quả này là khá tương đồng với một số nghiên cứu trước đây của Viện Tâm lý học về đặc điểm tâm lý của cư dân ven đô trong quá trình đô thị hóa (Phan Thị Mai Hương và đồng nghiệp, 2008; Lưu Song Hà và đồng nghiệp, 2009).

Sự khác biệt giữa các địa bàn khảo sát với xu hướng lựa chọn công việc

Xem xét sự khác biệt giữa các địa bàn khảo sát với xu hướng lựa chọn công việc, kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt khá lớn. Nếu phân chia các tỉnh khảo sát thành ba miền Bắc - Trung - Nam (đại diện miền Bắc là Hà

Nội, Thái Nguyên, miền Trung là Quảng Ngãi, Đà Nẵng, miền Nam là Cần Thơ, Bình Dương) kết quả nghiên cứu cho thấy, xu hướng lựa chọn công việc của những người nông dân miền Nam là các công việc mang tính dịch vụ và buôn bán lớn. Trong số những người lựa chọn phương án đang làm hoạt động dịch vụ thì có tới 67,4% thuộc về những người nông dân miền Nam (trong đó tỷ lệ miền Bắc và miền Trung lựa chọn phương án này chỉ là 18,4% và 14,2%). Đặc biệt, trong số những người làm ăn buôn bán lớn, làm chủ thầu xây dựng, mở xưởng sản xuất kinh doanh thì có tới 73,6% thuộc về những người nông dân miền Nam.

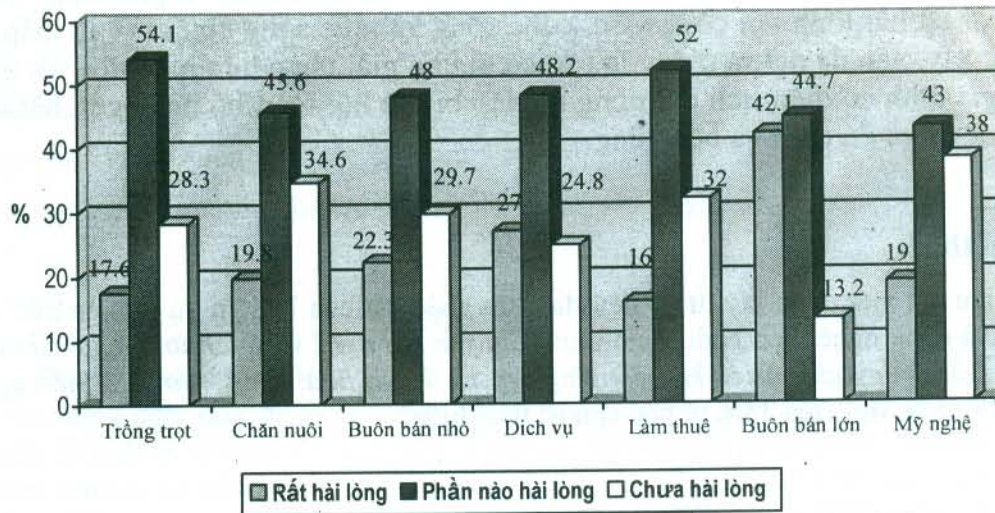


Biểu đồ 5: Sự khác biệt giữa các địa bàn khảo sát với xu hướng lựa chọn công việc

Khác với hai miền Trung và Nam bộ, những người nông dân miền Bắc lựa chọn nhiều hơn các công việc thủ công, mỹ nghệ, trồng trọt và chăn nuôi. Lấy đơn cử, trong số những người lựa chọn đang làm nghề thủ công, mỹ nghệ thì có tới 60,7% thuộc nhóm những người nông dân miền Bắc (số liệu này ở các tỉnh miền Trung là 19% và miền Nam là 20,3%).

Bên cạnh đó, những người nông dân miền Trung có xu hướng đi làm thuê nhiều hơn các vùng phía Bắc và phía Nam. Nếu xét theo tỷ lệ lựa chọn công việc làm thuê thì có tới 42,1% thuộc về những người nông dân miền Trung. Nông dân các tỉnh miền Bắc và miền Nam tỷ lệ đi làm thuê thấp hơn đáng kể so với miền Trung (30,2% và 27,7%).

Mối tương quan giữa mức độ hài lòng với công việc với công việc hiện tại



Biểu đồ 6: Mối tương quan giữa mức độ hài lòng với công việc với công việc hiện tại

Xem xét mức độ hài lòng với công việc theo các nhóm nghề khác nhau kết quả nghiên cứu cho thấy, những người nông dân tham gia công việc buôn bán lớn và làm dịch vụ có mức độ hài lòng với công việc cao hơn những nhóm nghề khác và ngược lại, những người nông dân đi làm thuê, trồng trọt, chăn nuôi theo cách truyền thống, những người làm thủ công mỹ nghệ, buôn bán nhỏ có tỷ lệ số người chưa hài lòng với công việc cao hơn những nhóm nghề khác. Sự khác biệt giữa các nhóm ngành nghề khác nhau về mức độ hài lòng với công việc là có ý nghĩa về mặt thống kê.

Như vậy, qua các số liệu trên có thể thấy, quá trình thu hồi đất để xây dựng các khu công nghiệp và khu đô thị đã làm cho người nông dân năng động hơn trong việc lựa chọn nghề nghiệp thay thế. Cơ cấu ngành nghề của họ có sự thay đổi đáng kể. Từ những công việc nông nghiệp thuần túy, những người nông dân đã chuyển đổi sang nhiều nghề khác nhau. Sự đa dạng hóa ngành nghề có thể nhìn thấy khá rõ nét ở nhiều hộ nông dân. Những người nông dân có diện tích đất bị thu hồi lớn đã chuyển đổi sang nhiều công việc phi nghề nông truyền thống. Điển hình nhất là nhiều hộ gia đình đã đi làm thuê (công việc mà trước đây họ ít làm). Tuy nhiên, việc đi làm thuê thường mang tính không ổn định, không bền vững. Chính vì thế, những hộ dân thuộc nhóm này có mức độ hài lòng với công việc và cuộc sống thấp hơn các hộ nông dân khác. Một số khác chuyển sang làm các công việc dịch vụ như cắt tóc, gội đầu, sửa chữa xe máy, buôn bán nhỏ, thủ công mỹ nghệ, chủ thầu xây dựng... Đánh giá chung về mức độ hài lòng với công việc, cuộc sống và mức sống, kết quả nghiên cứu cho thấy, phần đông nông dân trong nghiên cứu này hài lòng phần

nào với cuộc sống, công việc và mức sống của bản thân và gia đình. Những người rất hài lòng với công việc, cuộc sống và mức sống chiếm tỷ lệ thấp hơn. Như vậy, vấn đề đặt ra ở đây là cần có những giải pháp hữu hiệu đối với những hộ gia đình có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi toàn bộ hoặc gần hết để họ có việc làm ổn định và bền vững.

Chú thích

Số liệu bài viết được lấy từ số liệu điều tra khảo sát của Nhiệm vụ nghiên cứu Khoa học và công nghệ theo Nghị định thư: "*Chuyển đổi nghề và thích ứng nghề của người nông dân vùng phát triển khu công nghiệp và đô thị hóa: Thực trạng và kiến nghị về chính sách*" do Viện Tâm lý học chủ trì thực hiện.

Tài liệu tham khảo

1. Phan Thị Mai Hương (chủ biên), *Những thay đổi về mặt tâm lý của cư dân vùng ven đô trong quá trình đô thị hóa*, NXB Khoa học xã hội, 2008.
2. Lưu Song Hà (chủ biên), *Điều tra điểm tâm lý nông dân bị thu hồi đất làm khu công nghiệp*, NXB Từ điển Bách khoa, 2009.
3. <http://www.tonghoixaydungvn.org/default.aspx?Tab=121&Tinso=939>
4. Phát triển "nóng" đô thị: Xé quy hoạch, vượt tầm quản lý, <http://www.saigondautu.com.vn/Pages/20120328/Xe-quy-hoach-vuot-tam-quan-ly.aspx>